

Số: 799 /QĐ-LTT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ Tin học trình độ A

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên;

Căn cứ vào kết quả kỳ kiểm tra Chứng chỉ Tin học trình độ A tổ chức ngày 19 tháng 6 năm 2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận cho 167 học viên đã đạt kỳ kiểm tra Chứng chỉ Tin học Quốc gia trình độ A tổ chức ngày 19/6/2016 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên có tên ghi nơi Điều 1 được nhận Chứng chỉ Tin học Quốc gia trình độ A và được hưởng mọi quyền lợi theo qui định.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng và các học viên có tên ghi nơi Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC TRÌNH ĐỘ A

Kỳ kiểm tra tháng 6/2016 - Ngày kiểm tra: 19/6/2016

(Kèm theo Quyết định số 7.99.../QĐ-LTT ngày 29 tháng 6 năm 2016
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	LỚP	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	NƠI SINH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
1	14000538	14CĐĐC02	Thiên Akazet	17/10/1996	Ninh Thuận	7.0	5.0	6.0	Trung bình
2	13D2010001	13CĐ-CK2	Huỳnh Trần Công An	08/09/1995	Tp.HCM	8.0	5.0	6.5	Trung bình
3	13D301Đ004	13CĐ-Đ1	Đặng Thê Anh	12/07/1995	Hà Tĩnh	8.5	5.0	6.8	Trung bình
4	13D2040001	13CĐ-M	Trương Thị Thúy Anh	21/10/1995	Đắk Lắk	8.5	3.0	5.8	Trung bình
5	13D2060001	13CĐ-NL1	Trần Ngọc Anh	10/10/1994	Bình Định	8.0	5.0	6.5	Trung bình
6	13D2050005	13CĐ-Ô3	Lê Minh Bằng	03/06/1995	Tp.HCM	6.5	3.5	5.0	Trung bình
7	13D301Đ007	13CĐ-Đ3	Phạm Văn Bảo	26/10/1994	Bình Thuận	6.0	4.0	5.0	Trung bình
8	13D2050008	13CĐ-Ô1	Ngô Xuân Bình	18/02/1993	Bình Thuận	5.5	5.0	5.3	Trung bình
9	13D3010176	13CĐ-ĐT2	Đặng Thanh Bình	22/03/1995	Phù Quốc	7.5	3.0	5.3	Trung bình
10	13B2250004		Hà Huy Bình	09/10/1993	Hà Tĩnh	6.0	4.0	5.0	Trung bình
11	13D2010013	13CĐ-CK2	Trần Hữu Cảnh	24/08/1995	Bến Tre	8.5	4.0	6.3	Trung bình
12	13D2050011	13CĐ-Ô1	Đặng Minh Châu	29/11/1995	Tiền Giang	6.0	5.0	5.5	Trung bình
13	14000256	14TCÔT02	Huỳnh Lê Hữu Chính	16/10/1995	Bình Thuận	6.0	4.0	5.0	Trung bình
14	13D2010018	13CĐ-CK4	Phạm Minh Chung	14/09/1995	Đồng Nai	7.0	5.0	6.0	Trung bình
15	13D2010020	13CĐ-CK3	Võ Duy Công	25/07/1994	Lâm Đồng	7.0	3.0	5.0	Trung bình
16	13D2050294	13CĐ-Ô1	Nguyễn Đình Quốc Cường	17/10/1995	Đắk Lắk	6.5	3.5	5.0	Trung bình
17	14000259	14TCÔT02	Phan Văn Cường	11/11/1996	Thanh Hóa	6.5	3.5	5.0	Trung bình
18	12D2010029		Phạm Quang Đăng	02/02/1994	Cà Mau	7.5	3.0	5.3	Trung bình
19	13D2010033	13CĐ-CK4	Lê Minh Đạt	20/08/1994	Đồng Tháp	7.0	5.0	6.0	Trung bình
20	14000262	14TCÔT02	Trần Quốc Đạt	12/02/1987	Tp.HCM	6.0	8.5	7.3	Khá
21	14000372	14CĐĐT01	Phan Đình Nguyễn Diễm	11/01/1995	Đồng Nai	6.5	6.0	6.3	Trung bình
22	12D301Đ022		Nguyễn Thanh Đình	18/06/1994	Bình Thuận	7.5	6.0	6.8	Trung bình
23	14000986	14CĐOT04	Nguyễn Xuân Dũng	04/12/1996	Thái Bình	8.0	8.0	8.0	Giỏi
24	13D2010043	13CĐ-CK2	Trần Anh Được	06/10/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.5	3.0	5.3	Trung bình
25	13D2050023	13CĐ-Ô1	Võ Đại Dương	13/03/1995	Tiền Giang	5.0	7.0	6.0	Trung bình
26	13D2050025	13CĐ-Ô3	Nguyễn Tấn Duy	02/10/1995	Bình Định	5.5	4.5	5.0	Trung bình
27	14000138	14TCCT01	Nguyễn Hoàng Duy	01/01/1996	Trà Vinh	5.0	7.0	6.0	Trung bình
28	13D2010279	13CĐ-CK1	Phạm Ngọc Duy	06/08/1994	Bình Thuận	6.0	9.0	7.5	Khá
29	14000312	14TCMT01	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	20/05/1995	Bình Thuận	6.5	4.0	5.3	Trung bình
30	13D2010045	13CĐ-CK4	Nguyễn Hữu Gìn	19/07/1995	Quảng Ngãi	7.0	5.0	6.0	Trung bình
31	14000639	14CĐCK01	Phan Giáp Hải	27/04/1994	Bình Thuận	6.5	6.5	6.5	Trung bình
32	13D2040011	13CĐ-M	Bùi Thị Kim Hằng	03/05/1995	Thái Bình	6.5	8.0	7.3	Khá
33	14001098	14CĐMT01	Trương Thị Hằng	23/11/1996	Hà Tĩnh	5.0	5.0	5.0	Trung bình
34	14000772	14CĐCK01	Lê Phúc Hậu	10/11/1996	Tây Ninh	6.0	6.0	6.0	Trung bình
35	12D3010040		Nguyễn Phúc Hậu	25/05/1994	Bến Tre	5.5	7.5	6.5	Trung bình
36	13D2050304	13CĐ-Ô1	Nguyễn Minh Hiền	16/07/1995	Đồng Nai	5.0	7.0	6.0	Trung bình
37	13D301Đ047	13CĐ-Đ3	Phương Văn Hiền	05/08/1994	Bình Thuận	6.5	7.0	6.8	Trung bình
38	13D2010271	13CĐ-CK3	Lê Trần Trung Hiếu	04/10/1995	Bến Tre	7.0	4.0	5.5	Trung bình
39	13D2010060	13CĐ-CK3	Lê Văn Hiếu	18/07/1995	Bến Tre	6.0	5.0	5.5	Trung bình
40	13D2010065	13CĐ-CK3	Phạm Long Hồ	25/11/1994	Bến Tre	5.5	5.0	5.3	Trung bình
41	14000272	14TCÔT02	Trần Văn Hòa	15/11/1995	Bình Thuận	6.0	7.0	6.5	Trung bình
42	14000096	14TCĐL01	Nguyễn Hữu Hoan	10/04/1994	Vĩnh Phúc	5.0	5.0	5.0	Trung bình
43	14000686	14CĐCK02	Nguyễn Công Hoàng	06/01/1996	Đồng Tháp	10.0	3.0	6.5	Trung bình
44	13D3010169	13CĐ-ĐT2	Phạm Ngọc Hoàng	04/03/1995	Đắk Lắk	7.5	4.0	5.8	Trung bình
45	14000937	14CĐOT03	Trần Ngọc Huân	01/03/1996	Quảng Ngãi	6.0	4.0	5.0	Trung bình
46	14000687	14CĐCK02	Nguyễn Minh Hùng	05/09/1996	Long An	6.5	5.0	5.8	Trung bình
47	12D2010067	13CĐ-CK1	Nguyễn Thanh Hùng	19/02/1993	Tây Ninh	9.0	4.0	6.5	Trung bình
48	13D2010077	13CĐ-CK3	Nguyễn Phước Hưng	05/05/1994	Quảng Nam	6.0	5.0	5.5	Trung bình
49	14001103	14CĐMT01	Huỳnh Ngọc Lan Hương	20/08/1996	Cần Thơ	8.5	4.0	6.3	Trung bình
50	13D2060018	13CĐ-NL1	Nguyễn Hồng Hương	01/02/1994	Quảng Ngãi	9.0	3.0	6.0	Trung bình
51	14000555	14CĐĐC02	Nguyễn Trọng Hữu	25/06/1996	Bình Thuận	6.0	4.0	5.0	Trung bình
52	13D2010079	13CĐ-CK2	Nguyễn Phát Huy	25/05/1994	Bình Thuận	6.5	8.5	7.5	Khá
53	13D2050081	13CĐ-Ô1	Bùi Quang Huy	28/12/1995	Bến Tre	6.5	4.0	5.3	Trung bình
54	13D3010049	13CĐ-ĐT2	Bùi Văn Huỳnh	04/10/1994	Bình Thuận	7.5	4.0	5.8	Trung bình
55	14000388	14CĐĐT01	Mai Tấn Khang	22/01/1996	Long An	6.5	3.5	5.0	Trung bình
56	13D3010052	13CĐ-ĐT2	Nguyễn Quang Khánh	11/09/1995	Quảng Ngãi	7.0	6.0	6.5	Trung bình
57	13D2050093	13CĐ-Ô2	Nguyễn Anh Khoa	08/10/1995	Tp.HCM	7.5	3.0	5.3	Trung bình
58	13D2060023	13CĐ-NL1	Lại Văn Khương	20/02/1995	Phú Yên	7.5	4.0	5.8	Trung bình
59	13D2010093	13CĐ-CK1	Nguyễn Tấn Kỳ	10/01/1995	Quảng Ngãi	6.0	4.0	5.0	Trung bình
60	13D3010058	13CĐ-ĐT2	Nguyễn Ngọc Lâm	02/10/1995	Quảng Ngãi	7.0	4.0	5.5	Trung bình

STT	MSSV	LỚP	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	NƠI SINH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
61	13D3010061	13CB-ĐT2	Nguyễn Quang Lành	20/07/1994	Đắk Lắk	7.5	4.0	5.8	Trung bình
62	14000322	14TCMT01	Nguyễn Thị Liên	20/10/1995	Lâm Đồng	7.0	8.0	7.5	Khá
63	13D301Đ194	13CB-Đ2	Trần Văn Linh	03/04/1995	Long An	6.5	5.0	5.8	Trung bình
64	13D2060025	13CB-NL1	Lê Hoàng Linh	29/03/1994	Long An	6.5	4.0	5.3	Trung bình
65	14000043	14TCDC01	Nguyễn Hoàng Long	20/04/1993	Tp.HCM	7.5	6.0	6.8	Trung bình
66	13D2040021	13CB-M	Nguyễn Thành Luân	16/01/1994	Bình Thuận	6.5	3.5	5.0	Trung bình
67	13D301Đ162	13CB-Đ1	Đỗ Văn Lượm	18/03/1995	Bình Định	6.5	3.5	5.0	Trung bình
68	14000324	14TCMT01	Nguyễn Thị Lý	10/08/1993	Quảng Ngãi	7.0	3.0	5.0	Trung bình
69	13D2010116	13CB-CK4	Thái Hồng Mạnh	03/02/1994	Cần Thơ	9.5	4.0	6.8	Trung bình
70	13D2010114	13CB-CK2	Nguyễn Hoàng Mạnh	11/02/1994	Tp.HCM	6.0	6.0	6.0	Trung bình
71	15002685	15CB-Ô8	Nguyễn Huỳnh Mạnh	31/12/1997	Bến Tre	6.0	4.0	5.0	Trung bình
72	13D2060030	13CB-NL1	Nguyễn Tấn Minh	18/06/1995	Long An	8.5	5.0	6.8	Trung bình
73	13D2040022	13CB-M	Hà Kim Minh	18/09/1995	Tây Ninh	6.5	4.0	5.3	Trung bình
74	14000325	14TCMT01	Dương Thị Mơ	15/12/1995	Hà Nam	5.0	6.0	5.5	Trung bình
75	13D2010124	13CB-CK2	Võ Hoàng Nam	25/11/1994	Tp.HCM	7.5	8.0	7.8	Khá
76	14000326	14TCMT01	Đặng Thanh Nam	19/10/1996	Long An	5.0	5.0	5.0	Trung bình
77	14000006	14TCBT01	Nguyễn Nhật Nam	02/07/1996	Tp.HCM	6.0	5.0	5.5	Trung bình
78	13D2010121	13CB-CK4	Châu Hoài Nam	29/11/1994	Long An	9.0	7.0	8.0	Giỏi
79	13D2060033	13CB-NL1	Phạm Nhật Nam	13/02/1995	Quảng Ngãi	6.5	4.0	5.3	Trung bình
80	14000946	14CBOT03	Nguyễn Trọng Nghĩa	19/08/1996	Tp.HCM	8.5	6.0	7.3	Khá
81	13D2060073	13CB-NL1	Phan Trọng Nghĩa	19/10/1995	Long An	9.0	3.0	6.0	Trung bình
82	14000399	14CBĐT01	Nguyễn Văn Nghĩa	03/05/1996	Lâm Đồng	6.5	5.0	5.8	Trung bình
83	14001113	14CBMT01	Lê Thị Bích Ngoan	06/05/1996	Quảng Ngãi	5.0	5.0	5.0	Trung bình
84	13D2010130	13CB-CK3	Phan Hữu Nguyễn	05/06/1995	Đắk Lắk	6.0	4.0	5.0	Trung bình
85	13D2010136	13CB-CK1	Tô Trọng Nhân	10/07/1995	Khánh Hòa	6.0	4.0	5.0	Trung bình
86	13D3010078	13CB-ĐT2	Võ Phước Nhân	12/05/1995	Bến Tre	5.0	5.0	5.0	Trung bình
87	12D2040020		Nguyễn Văn Nhân	29/04/1994	Tp.HCM	7.0	4.0	5.5	Trung bình
88	13D3010042	13CB-ĐT1	Nguyễn Sinh Nhật	01/12/1995	Khánh Hòa	7.0	6.0	6.5	Trung bình
89	14000402	14CBĐT01	Trương Quang Nhật	16/02/1996	Bình Thuận	6.0	6.0	6.0	Trung bình
90	13D2040031	13CB-M	Nguyễn Thị Hồng Nhung	04/06/1995	Lâm Đồng	8.5	5.0	6.8	Trung bình
91	13D2010139	13CB-CK2	Đặng Nguyễn Hoài Ninh	08/12/1995	Khánh Hòa	8.5	5.0	6.8	Trung bình
92	14000328	14TCMT01	Nguyễn Ngọc Thu Oanh	28/01/1995	Lâm Đồng	8.0	8.5	8.3	Giỏi
93	14000404	14CBĐT01	Dương Văn Phát	01/10/1996	Bình Định	8.5	3.0	5.8	Trung bình
94	13D2010143	13CB-CK1	Nguyễn Văn Phong	01/06/1995	Tây Ninh	8.5	3.0	5.8	Trung bình
95	13D2010150	13CB-CK3	Võ Văn Phú	20/07/1995	Bình Định	9.5	4.0	6.8	Trung bình
96	13B2250056	14TCOT01	Nguyễn Đình Đại Phú	25/12/1993	Bình Định	6.5	4.0	5.3	Trung bình
97	13D2010149	13CB-CK2	Trần Thanh Phú	19/11/1995	Tp.HCM	9.0	4.0	6.5	Trung bình
98	13D2010147	13CB-CK2	Hàn Văn Phú	20/11/1994	Ninh Thuận	8.5	4.0	6.3	Trung bình
99	12D3010096	14CBĐT01	Phạm Minh Phúc	13/07/1994	Long An	7.5	3.0	5.3	Trung bình
100	13D2010153	13CB-CK1	Nguyễn Hoàng Phúc	04/10/1994	Long An	8.0	3.0	5.5	Trung bình
101	13D2010156	13CB-CK4	Trương Hoàng Phúc	11/06/1995	Long An	5.0	8.0	6.5	Trung bình
102	13D3010194	13CB-ĐT2	Võ Duy Phước	05/03/1995	Gia Lai	8.5	3.0	5.8	Trung bình
103	14000746	14CBCK03	Mai Nguyễn Anh Quân	26/02/1994	Tp.HCM	5.5	4.5	5.0	Trung bình
104	13D2050155	13CB-Ô3	Lê Văn Quân	10/10/1995	Bến Tre	8.0	6.0	7.0	Khá
105	HVN		Nguyễn Duy Vương Quân	09/11/1992	Tp.HCM	8.0	9.0	8.5	Giỏi
106	13D2060044	13CB-NL1	Hoàng Mạnh Quân	22/06/1995	Tp.HCM	9.0	4.0	6.5	Trung bình
107	13B2010064		Dương Thiện Quý	06/12/1995	Tp.HCM	6.0	4.0	5.0	Trung bình
108	13D2010165	13CB-CK3	Đỗ Hoàng Quý	06/06/1995	Bình Định	5.0	5.0	5.0	Trung bình
109	13D3010101	13CB-ĐT1	Võ Hoàng Quý	09/02/1994	Đồng Nai	8.5	3.0	5.8	Trung bình
110	13D2060047	13CB-NL1	Võ Thành Quyền	04/11/1994	Bình Định	7.0	5.0	6.0	Trung bình
111	13D2050167	13CB-Ô2	Lê Hồng Sơn	02/05/1993	Tiền Giang	5.5	5.0	5.3	Trung bình
112	14001123	14CBMT01	Phạm Thị Thu Sương	15/12/1996	Tiền Giang	8.5	3.0	5.8	Trung bình
113	14000330	14TCMT01	Nguyễn Thị Diễm Sương	29/11/1996	Long An	6.5	5.0	5.8	Trung bình
114	15003457	15TC-NL	Nguyễn Tấn Tài	12/05/1992	Cầu Long	5.0	5.0	5.0	Trung bình
115	13D301Đ119	13CB-Đ3	Lưu Đức Tài	01/08/1995	Tp.HCM	8.5	3.0	5.8	Trung bình
116	13D2060050	13CB-NL1	Nguyễn Mai Thành Tâm	22/09/1995	Long An	8.0	3.0	5.5	Trung bình
117	13D2010183	13CB-CK1	Hoàng Nhật Tân	02/11/1995	Ninh Thuận	8.5	5.0	6.8	Trung bình
118	14001017	14CBOT04	Trần Ngọc Thạch	02/07/1996	Gia Lai	6.0	8.5	7.3	Khá
119	13D301Đ129	13CB-Đ3	Văn Hữu Duy Thạch	02/12/1995	Bình Thuận	6.0	4.0	5.0	Trung bình
120	13D2010294	13CB-CK4	Tôn Đức Thắng	03/10/1994	Hà Tĩnh	5.0	5.0	5.0	Trung bình
121	13D301Đ196	13CB-Đ3	Nguyễn Toàn Thắng	13/08/1995	Ninh Thuận	6.0	4.0	5.0	Trung bình
122	13D2010188	13CB-CK1	Dương Hải Thắng	10/06/1994	Đắk Lắk	6.5	5.0	5.8	Trung bình
123	13D2060052	13CB-NL1	Trà Quý Thắng	14/05/1993	Bình Định	5.5	4.5	5.0	Trung bình
124	14000568	14CBEC02	Võ Đức Thắng	28/02/1996	Ninh Thuận	6.0	6.0	6.0	Trung bình
125	13D2010198	13CB-CK3	Trương Nhật Thanh	05/06/1995	Tiền Giang	5.5	4.5	5.0	Trung bình
126	13D2010196	13CB-CK4	Phùng Hữu Thanh	27/10/1995	Bình Phước	6.0	6.0	6.0	Trung bình
127	13D301Đ135	13CB-Đ3	Phan Duy Thanh	07/03/1995	Long An	5.5	4.5	5.0	Trung bình
128	13D2040037	13CB-M	Trần Đăng Bích Thanh	01/01/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.0	3.0	5.0	Trung bình
129	13D2010191	13CB-CK4	Ngô Hoàng Thành	30/05/1995	Sông Bé	8.0	7.5	7.8	Khá
130	13D301Đ138	13CB-Đ3	Trương Công Thảo	04/12/1995	Khánh Hòa	8.0	3.0	5.5	Trung bình

STT	MSSV	LỚP	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	NƠI SINH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
131	14000007	14TCĐT01	Lê Như Thế	26/08/1994	Thanh Hóa	5.5	4.5	5.0	Trung bình
132	13D2010204	13CB-CK2	Phạm Công Thịnh	05/10/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.0	4.0	5.0	Trung bình
133	13D2060054	13CB-NL1	Lê Minh Thịnh	21/01/1995	Bình Định	8.0	4.0	6.0	Trung bình
134	13D2010206	13CB-CK4	Nguyễn Quang Thơm	20/08/1994	Bình Định	6.5	5.0	5.8	Trung bình
135	14000800	14CBCK03	Lê Hiệp Thuận	10/02/1991	Quảng Ngãi	6.5	3.5	5.0	Trung bình
136	13D2010211	13CB-CK1	Nguyễn Văn Thuận	12/09/1994	Đồng Tháp	5.0	5.0	5.0	Trung bình
137	13D3010128	13CB-ĐT1	Vũ Duy Thuận	12/03/1993	Kiên Giang	7.0	5.0	6.0	Trung bình
138	13D2050206	13CB-Ô2	Thương Công Thúc	01/01/1995	Bến Tre	5.5	4.5	5.0	Trung bình
139	13D3010130	13CB-ĐT2	Huỳnh Văn Thưởng	08/08/1995	Tiền Giang	7.0	3.0	5.0	Trung bình
140	14001128	14CBMT01	Lê Thị Cẩm Tiên	15/06/1996	Long An	6.5	3.5	5.0	Trung bình
141	13D2050210	13CB-Ô3	Lê Văn Tiễn	01/02/1995	Bình Định	9.5	3.0	6.3	Trung bình
142	13D2010224	13CB-CK2	Trần Chánh Tín	06/04/1995	Bình Định	6.5	5.0	5.8	Trung bình
143	14000713	14CBCK02	Võ Trung Tín	30/11/1996	Tiền Giang	6.0	4.0	5.0	Trung bình
144	13D2050220	13CB-Ô3	Phan Anh Toàn	09/06/1994	Đắk Lắk	7.0	3.0	5.0	Trung bình
145	13D2040050	13CB-M	Lý Ngọc Trang	18/12/1995	Đồng Nai	9.0	7.0	8.0	Giỏi
146	14000008	14TCĐT01	Nguyễn Ngọc Minh Trí	03/11/1996	Cần Thơ	8.0	5.0	6.5	Trung bình
147	13D2010229	13CB-CK2	Lê Minh Trí	09/07/1995	Tp.HCM	7.0	3.0	5.0	Trung bình
148	13D2010232	13CB-CK4	Nguyễn Ngọc Triệu	16/06/1995	Bình Định	8.5	3.0	5.8	Trung bình
149	13D2040052	14CBMT01	Trần Thị Phương Trinh	26/12/1995	Đồng Nai	5.0	8.0	6.5	Trung bình
150	13D2010234	13CB-CK2	Hồ Văn Trung	15/08/1994	Bình Thuận	5.0	5.0	5.0	Trung bình
151	14000422	14CBĐT01	Đỗ Nguyễn Cao Anh Tú	16/04/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.5	3.5	5.0	Trung bình
152	14000974	14CBĐT03	Phan Xuân Tuấn	06/01/1994	Quảng Ngãi	7.5	3.0	5.3	Trung bình
153	13D2060062	13CB-NL1	Đặng Văn Tuyển	07/02/1995	Tp.HCM	10.0	4.0	7.0	Trung bình
154	12D2060090		Nguyễn Út	22/04/1994	Thừa Thiên Huế	5.5	4.5	5.0	Trung bình
155	13D3010190	13CB-ĐT2	Trần Triệu Vĩ	03/08/1995	Bình Định	6.0	4.0	5.0	Trung bình
156	13D2010254	13CB-CK2	Nguyễn Tấn Viên	14/08/1995	Quảng Ngãi	8.0	3.0	5.5	Trung bình
157	14000010	14TCĐT01	Nguyễn Đức Viên	22/02/1994	Quảng Nam	7.5	4.0	5.8	Trung bình
158	13D3010174	13CB-Đ3	Tăng Ngọc Viên	20/05/1995	Quảng Ngãi	5.0	5.0	5.0	Trung bình
159	13D2060064	13CB-NL1	Nguyễn Đình Việt	10/03/1995	Quảng Nam	6.5	4.0	5.3	Trung bình
160	13D2010256	13CB-CK4	Trần Văn Đại Việt	15/07/1995	Bình Thuận	6.0	8.0	7.0	Khá
161	13D2010257	13CB-CK4	Hồ Quang Vinh	10/04/1994	Đồng Nai	6.0	4.0	5.0	Trung bình
162	13D2060066	13CB-NL1	Nguyễn Hoàng Vũ	05/07/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	9.0	4.0	6.5	Trung bình
163	13D3010158	13CB-ĐT2	Võ Tấn Vũ	24/03/1994	Bình Thuận	9.5	3.0	6.3	Trung bình
164	14000978	14CBĐT03	Lê Vinh Anh Vũ	15/11/1995	Quảng Ngãi	8.5	4.0	6.3	Trung bình
165	13D2060067	13CB-NL1	Phạm Trọng Vũ	15/09/1995	Đồng Nai	6.5	7.0	6.8	Trung bình
166	13D3010159	13CB-ĐT1	Phạm Văn Xuân	27/06/1995	Quảng Ngãi	5.5	5.0	5.3	Trung bình
167	13B2040035		Ung Hoàng Yêm	15/08/1989	Cà Mau	6.0	4.0	5.0	Trung bình

(Danh sách có 167 học viên)

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc